

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT**Quý 3 Năm 2009****I. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

ĐVT: Việt Nam đồng

TT	TÀI SẢN	Đầu năm	Cuối quý
I	TÀI SẢN NGẮN HẠN	59,149,745,157	77,057,052,823
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	28,592,648,298	51,571,483,294
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	22,903,415,185	8,500,209,062
4	Hàng tồn kho	3,646,204,663	16,329,237,369
5	Tài sản ngắn hạn khác	4,007,477,011	656,123,098
II	TÀI SẢN DÀI HẠN	72,466,143,862	78,159,474,998
1	Các khoản phải thu dài hạn	708,702,812	689,702,812
2	Tài sản cố định	65,993,860,141	57,929,067,487
	- Tài sản cố định hữu hình	19,485,282,987	38,314,381,567
	- Tài sản cố định thuê tài chính	-	-
	- Tài sản cố định vô hình	11,466,666	5,066,664
	- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	46,497,110,488	19,609,619,256
3	Bất động sản đầu tư	-	-
4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	4,622,922,400	4,622,922,400
5	Tài sản dài hạn khác	1,140,658,509	14,917,782,299
III	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	131,615,889,019	155,216,527,821

	NGUỒN VỐN	Đầu năm	Cuối quý
IV	NỢ PHẢI TRẢ	7,619,412,193	22,669,830,280
1	Nợ ngắn hạn	7,404,126,850	11,715,986,048
2	Nợ dài hạn	215,285,343	10,953,844,232
V	VỐN CHỦ SỞ HỮU	123,996,476,826	132,546,697,541
1	Vốn chủ sở hữu	123,024,300,571	132,600,329,136
	- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	82,618,200,000	82,618,200,000
	- Thặng dư vốn cổ phần	19,391,000,000	19,391,000,000
	- Chênh lệch tỷ giá hối đoái		
	- Quỹ đầu tư phát triển	3,266,539,790	3,266,539,790
	- Quỹ dự phòng tài chính	3,476,780,618	5,807,337,618
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	14,271,780,163	21,517,251,728
	- Nguồn vốn đầu tư XD cơ bản		
2	Nguồn kinh phí và quỹ khác	972,176,255	(53,631,595)
	- Quỹ khen thưởng phúc lợi	972,176,255	(53,631,595)
	- Nguồn kinh phí		
	- Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		
VI	TỔNG NGUỒN VỐN	131,615,889,019	155,216,527,821

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

TT	Chỉ tiêu	Quý 3/2009	Lũy kế từ đầu năm
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	31,236,947,889	68,226,052,658
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	4,883,273,121	9,958,876,554
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	26,353,674,768	58,267,176,104
4	Giá vốn hàng bán	15,035,414,343	34,365,931,089
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	11,318,260,425	23,901,245,015
6	Doanh thu hoạt động tài chính	4,591,469,580	6,592,085,502

7	Chi phí tài chính	16,066,835	16,066,835
8	Chi phí bán hàng	3,899,939,484	8,583,983,223
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	982,312,177	2,952,303,162
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	11,011,411,509	18,940,977,297
11	Thu nhập khác	78,645,883	83,918,178
12	Chi phí khác		18,289,875
13	Lợi nhuận khác	78,645,883	65,628,303
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	11,090,057,392	19,006,605,600
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1,727,028,897	2,821,121,035
16	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	9,363,028,495	16,185,484,565
17	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1,133	1,959

Lập, ngày 05 tháng 10 năm 2009

LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC